

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM -
CHI NHÁNH KIÊN GIANG

NÂNG CAO chất lượng tín dụng

TÌM RA ĐƯỢC NHỮNG GIẢI PHÁP ĐỂ HẠN CHẾ RỦI RO, TRONG ĐÓ CÓ VIỆC HOÀN THIỆN CÁC CÔNG CỤ QUẢN LÝ RỦI RO TÍN DỤNG VÀ TÌM RA NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG ĐƯỢC CÁC NGÂN HÀNG XEM LÀ VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG HÀNG ĐẦU, TRONG ĐÓ CÓ NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM- CHI NHÁNH KIÊN GIANG (VCB.KG).

- TS. NGUYỄN THỊ HIỀN - *Trường Đại học Nha Trang*
TS. ĐẶNG THANH SƠN - *Trường Cao đẳng Cộng đồng Kiên Giang*
ThS. NHAN TRƯỜNG PHÚC - *Trường Đại học Nha Trang*

Thực trạng hoạt động tín dụng tại VCB.KG

Theo Báo cáo tổng kết của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Kiên Giang năm 2012, dư nợ toàn tỉnh đạt 26.801 tỷ đồng, tăng 2.817 tỷ đồng (11%) so với năm 2011. Dư nợ cao nhất là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh tỉnh Kiên Giang. VCB.KG đạt 3.110 tỷ đồng, đứng thứ hai trong tổng dư nợ cho vay toàn tỉnh.

Dư nợ cho vay của VCB.KG theo kỳ hạn tiền vay ngắn hạn tăng dần trong tổng dư nợ tại VCB.KG. Cụ thể năm 2010 là 1.332 tỷ đồng, chiếm 62%; năm 2011 là 1.918 tỷ đồng, chiếm 69%; năm 2012 là 2.360 tỷ đồng, chiếm 76%. Nguyên nhân do tăng dư nợ cho vay xuất khẩu (vay USD) thường là các hợp đồng tín dụng ngắn hạn (từ 03 đến 06 tháng) làm cho nợ vay ngắn hạn tăng.

Tổng huy động vốn ngắn hạn trong năm 2012 đạt 1.192 tỷ đồng,

so với dư nợ vay ngắn hạn 2.360 tỷ đồng thì chỉ đạt 50% vốn vay ngắn hạn, làm cho áp lực huy động vốn ngắn hạn tăng lên để đáp ứng nhu cầu về vốn vay ngắn hạn của chi nhánh.

dài, khủng hoảng tài chính làm cho các doanh nghiệp trong tỉnh hạn chế mở rộng sản xuất kinh doanh.

Nợ xấu trong năm 2011 là 63 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 2,26% so với

Bảng: Nợ xấu của VCB.KG (2010-2012) ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2010	2011	2012	So sánh 2011/2010	So sánh 2012/2011
1. Dư nợ	2.147	2.781	3.110	130%	112%
2. Nợ xấu	54	63	70	116%	111%
3. Tỷ lệ	2,51%	2,26%	2,26%		

(Nguồn: Phòng tổng hợp - VCB.KG)

Xét mức độ tăng trưởng dư nợ bình quân thì tốc độ tăng trưởng dư nợ VCB.KG trên 10% (năm 2011/2010 là 30%, năm 2012/2011 là 12%), song tăng trưởng không đồng đều giữa các kỳ hạn vay. Dư nợ vay trung - dài hạn giảm so với các năm trước đó, năm 2011 tăng 6% nhưng 2012 lại giảm 23%. Nguyên nhân do khủng hoảng về thị trường bất động sản trong và ngoài nước kéo

tổng dư nợ; tỷ lệ này tăng 16% so với năm 2010 số tuyệt đối là 9 tỷ đồng. Trong năm 2012, mặc dù tỷ lệ nợ xấu không tăng so với 2011 (2,26%), nhưng số tuyệt đối tăng lên 7 tỷ đồng, tăng 12% so với năm 2011. Nguyên nhân là tổng dư nợ năm 2012 tăng, làm cho tỷ lệ nợ xấu không thay đổi.

Nợ xấu của chi nhánh tập trung vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 93% trên tổng

dư nợ xấu. Nhóm nợ này chủ yếu là chế biến thủy sản và chế biến bột cá như: Công ty TNHH Mai Sao và Công ty CP Thủy sản Hiệp Phát, Công ty CP Chế biến Bột cá Kiên Hùng 1. Nguyên nhân phát sinh nợ xấu chủ yếu là do xuất khẩu gặp khó tại thị trường châu Âu và thị trường nội địa. Đây là hai thị trường chủ lực của các doanh nghiệp xuất khẩu tại địa phương. Dẫn đến tình trạng hàng tồn kho của các doanh nghiệp lớn, thua lỗ, phá sản.

Đánh giá thực trạng hoạt động tín dụng

Những mặt đạt được:

Khối lượng và quy mô tín dụng của VCB.KG tăng lên nhanh chóng, phục vụ có hiệu quả chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành kinh tế, thành phần kinh tế và theo vùng kinh tế, tác động tích cực đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa. Số tuyệt đối về nợ xấu có tăng, nhưng tỷ lệ nợ xấu có xu hướng giảm (năm 2011/2010 là 16%, năm 2012/2011 là 12%), cho thấy chi nhánh đã áp dụng các giải pháp giảm thiểu rủi ro đã đạt hiệu quả.

Nhờ việc ban hành hệ thống xếp hạng tín dụng, nên việc đo lường các rủi ro tín dụng tại VCB được thực hiện thống nhất trong toàn hệ thống, việc phân loại nợ cũng được thực hiện tự động, hạn chế tính chủ quan của chi nhánh khi nâng lên hoặc hạ nhóm nợ cho khách hàng. VCB.KG đã chủ động kiểm soát được mức độ tăng trưởng và thực hiện nhiều biện pháp đảm bảo tăng trưởng có chất lượng, phù hợp với hướng chuyển dịch cơ cấu của hệ thống là đẩy mạnh dư nợ bán lẻ. Bên cạnh đó, chính sách chăm sóc khách hàng tại VCB.KG nhận được đánh giá khá tốt từ phản ánh của khách hàng.

Những mặt tồn tại:

Nợ xấu của VCB.KG năm

2012 là 70 tỷ đồng, tăng 7 tỷ so với năm 2011. Nợ xấu của chi nhánh tập trung vào lĩnh vực công nghiệp chế biến cao, cho thấy, việc chi nhánh chưa đa dạng hóa các lĩnh vực, ngành nghề một cách nhanh chóng và hiệu quả. Việc phân loại nợ theo chương trình phân loại nợ cũng là nguyên nhân làm gia tăng nợ xấu. Với các tiêu chí phân loại khắt khe hơn các tiêu chí của NHNN dẫn đến một số khách hàng bị hạ nhóm nợ, làm tăng chi phí trích lập, giảm lợi nhuận. Việc xử lý các tài sản của nợ có vấn đề còn chậm, do các thủ tục hành chính của các cơ quan, ban, ngành. Mặt khác, cán bộ của chi nhánh chưa được đào tạo chuyên sâu về các lĩnh vực như: Tòa án, Thi hành án, Ban đấu giá...

Giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng tại VCB.KG

- Tăng cường công tác kiểm tra, thu thập thông tin đầy đủ về các biến động của khách hàng nhằm đưa ra những giải pháp, chính sách tín dụng một cách hợp lý và kịp thời.

- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn giỏi, có phẩm chất đạo đức phải được coi là yếu tố sống còn của doanh nghiệp nói chung và ngành ngân hàng nói riêng.

- Kiểm tra lại tất cả các khâu, các bước của quy trình thẩm định,

tái thẩm định quyết định tới chất lượng của một khoản vay, không chỉ đảm bảo tính chặt chẽ trong thẩm định, tái thẩm định mà còn phải đảm bảo được yêu cầu xử lý nhanh thông tin, đưa ra quyết định cho vay hay không cho vay một cách nhanh chóng.

- Tích cực giới thiệu các sản phẩm dịch vụ ngân hàng khác hỗ trợ cho hoạt động tín dụng (như mua bán ngoại tệ, chuyển tiền tự động, bảo lãnh...) thu hút khách hàng để có cơ hội khai thác tốt các khách hàng tiềm năng cho ngân hàng, tăng dần tỷ trọng thu dịch vụ ngoài tín dụng trong tổng thu nhập của chi nhánh.

- Áp dụng cơ chế tín dụng phù hợp với từng loại khách hàng đã được phân loại nhằm thu hút thêm những khách hàng mới và giữ vững khách hàng truyền thống.

- Tăng cường công tác thanh tra kiểm tra, kiểm soát quá trình xử lý nợ xấu và đưa nội dung này vào chương trình, kế hoạch, công tác thanh tra, kiểm tra kiểm soát của ngân hàng.

- Định giá đúng tài sản đảm bảo, để trong trường hợp khách hàng gặp rủi ro thì việc thanh lý tài sản giúp cho ngân hàng có khả năng thu hồi đủ cả gốc, lãi và chi phí khác ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Thị Cúc (2008), Giáo trình nghiệp vụ NHTM, NXB Thống kê.
2. Mary Buffett, David Clark (2011), Dịch giả: Nguyễn Trường Phú và Hồ Quốc Tuấn, Báo cáo tài chính dưới góc nhìn của Warren Buffett, NXB Trẻ.
3. George Cooper (2008), Dịch giả: Minh Khôi và Thủy Nguyệt, Nguồn gốc khủng hoảng tài chính, NXB Lao động xã hội.
4. Bùi Văn Danh, Nguyễn Văn Dung và Lê Quang Khôi (2011), Quản trị nguồn nhân lực, NXB Phương Đông.
5. Nguyễn Văn Diễm và Nguyễn Ngọc Quân (2010), Quản trị nhân lực, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
6. Nguyễn Minh Kiều (2007), Nghiệp vụ Ngân hàng hiện đại, NXB Thống kê.
7. Lê Thị Mận (2010), Tài chính - Tiền tệ, NXB Lao động xã hội.
8. Nguyễn Văn Ngọc (2008), Lý thuyết chung về thị trường tài chính, Ngân hàng và chính sách tiền tệ, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.